



Review Article

Accountability of the Court: Some Theoretical and Legal Situations

Pham Hong Thai*

VNU School of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 29 January 2019

Revised 25 February 2019; Accepted 15 March 2019

Abstract: Accountability of the court is formed in the relationship of power between the power owner and the power delegate, in which the delegate is obliged to be accountable to the power owner. The nature of the court's accountability comprises clarifying and explaining its decisions, judgments, acts, and other activities at the request of the other state agencies, the authorized persons or the people. The accountable duty of the court, stipulated in the Constitution and other legal documents, is mainly the accounting for its principle obedience in terms of publicity, independence, objectivity, obedience to the law, and justice protection through publicizing its decisions, judgments, reports as well as its answers to any questions or requests.

Keywords: Accountability, court, legal basis.

* Corresponding author.

E-mail address: thaihanapa201@yahoo.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4200>



Trách nhiệm giải trình của tòa án - một số khía cạnh lí luận, pháp lí

Phạm Hồng Thái*

Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 29 tháng 01 năm 2019

Chỉnh sửa ngày 25 tháng 02 năm 2019; Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 03 năm 2019

Tóm tắt: Trách nhiệm giải trình của tòa án hình thành trong mối quan hệ quyền lực giữa chủ thể quyền lực và người được ủy quyền, trong đó người được ủy quyền có bổn phận giải trình trước chủ thể quyền lực, bản chất của trách nhiệm giải trình của tòa án là làm rõ các thông tin, giải thích kịp thời, đầy đủ về các quyết định, bản án, hành vi, hoạt động của mình khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền và trước nhân dân. Trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước, trong đó có tòa án được quy định trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật khác, nội dung trách nhiệm giải trình của tòa án chủ yếu là giải trình về việc tuân theo nguyên tắc: xét xử công khai, độc lập, khách quan, chỉ tuân theo pháp luật, bảo vệ công lí; phương thức giải trình gồm: công khai các quyết định, bản án, báo cáo, trả lời chất vấn, các yêu cầu giải trình.

Từ khóa: Trách nhiệm giải trình, tòa án, cơ sở pháp luật.

1. Quan niệm về trách nhiệm

Thuật ngữ “trách nhiệm” được sử dụng rất phổ biến trong đời sống nhà nước, xã hội và trong nhiều văn bản pháp luật. Đây là hiện tượng phức tạp, đa diện, khó có một định nghĩa khoa học, có thể phản ánh được mọi khía cạnh của “trách nhiệm”, mỗi định nghĩa, cách tiếp cận chỉ có thể phản ánh khía cạnh này hay khía cạnh khác của trách nhiệm. Trách nhiệm được hiểu là “điều phải làm, phải gánh vác hoặc phải

nhận lấy về mình: trách nhiệm nặng nề ... phải chịu hoàn toàn trách nhiệm” [1]. Như vậy, trách nhiệm được hiểu là những việc nên làm, phải làm, được làm, như là bổn phận, nhiệm vụ, quyền hạn; sự cam kết đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và chịu trách nhiệm khi không thực hiện, thực hiện không đầy đủ bổn phận, nghĩa vụ.

Trong khoa học ở Việt Nam cũng có những cách tiếp cận khác nhau về “trách nhiệm”, từ khía cạnh “tích cực”, trách nhiệm được hiểu là “bổn phận phải thực hiện, nó còn là điều không được làm, được làm, phải làm và nên làm. Trách nhiệm là những gì mà họ buộc phải làm và phải chịu sự giám sát của người khác” [2];

* Tác giả liên hệ:

Địa chỉ email: thaihanapa201@yahoo.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4200>

trách nhiệm “thường được hiểu là khả năng của con người ý thức được những kết quả hoạt động của mình, đồng thời là khả năng thực hiện một cách tự giác những nghĩa vụ được đặt ra cho mình” [3]; “trách nhiệm là sự thực hiện bổn phận, nghĩa vụ của chủ thể đối với người khác, với xã hội một cách tự giác. Trách nhiệm đối lập với vô trách nhiệm, gắn liền với chịu trách nhiệm” [4], học giả nước ngoài khi luận giải về trách nhiệm cũng có cách giải thích tương tự [5]. Nhìn chung, các tác giả nêu trên đều tiếp cận trách nhiệm theo nghĩa là nghĩa vụ, nhiệm vụ, bổn phận. Với nghĩa này, trách nhiệm là nghĩa vụ, bổn phận phải làm, được làm hoặc không được làm một cách tự nguyện, tự giác hay buộc phải thực hiện do yêu cầu, đòi hỏi của các quy phạm xã hội (chính trị, pháp luật, đạo đức...).

Bên cạnh đó “trách nhiệm” còn được hiểu theo nghĩa “tiêu cực” - chịu trách nhiệm, với cách tiếp cận này khi xem xét trách nhiệm của công chức, có tác giả quan niệm trách nhiệm “là hậu quả bất lợi (sự phản ứng mang tính trừng phạt của Nhà nước) mà công chức phải gánh chịu khi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ được giao phó, tức là khi vi phạm trách nhiệm theo nghĩa tích cực. Trách nhiệm tiêu cực thể hiện trong việc áp dụng các biện pháp xử lý những chủ thể vi phạm các nghĩa vụ và quyền” [6]; trách nhiệm công vụ “là sự phản ứng của Nhà nước đối với cơ quan, cá nhân cán bộ, công chức khi thực hiện một hành vi hành chính trong quá trình thực thi công vụ, trái pháp luật hoặc quyết định của cơ quan cấp trên gây thiệt hại, xâm phạm tới quyền, tự do, lợi ích hợp pháp của công dân, thể hiện ở sự áp dụng các chế tài pháp luật tương ứng, hậu quả là cơ quan, cá nhân cán bộ, công chức gánh chịu những hậu quả bất lợi, thiệt hại về vật chất, tinh thần do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền thực hiện” [7]. Theo hướng tiếp cận này, trách nhiệm là chịu trách nhiệm, là sự gánh chịu hậu quả về những việc đã làm, với hàm nghĩa rằng chủ thể trách nhiệm phải chịu một hậu quả nào đó. Ở đây, trách nhiệm đồng nghĩa với hậu quả bất lợi phải gánh chịu, là chịu trách nhiệm khi thực

hiện không đúng trách nhiệm theo nghĩa là nghĩa vụ, nhiệm vụ, bổn phận, quyền hạn.

Vì vậy, khi xem xét trách nhiệm của một đối tượng nào đó cần phải xem xét ở hai khía cạnh “tích cực” và “tiêu cực” với ý nghĩa khác nhau. Điều này bắt nguồn từ thực tiễn, con người bất luận người đó là ai, đều sống trong một cộng đồng dù lớn, hay nhỏ (gia đình, tổ chức, xã hội, quốc gia, dân tộc) do đó luôn có những nghĩa vụ trước cộng đồng và phải làm tròn nghĩa vụ, bổn phận của mình với cộng đồng, đồng thời khi không thực hiện nghĩa vụ, bổn phận của mình, hay có những vi phạm thì phải gánh chịu sự trừng phạt nhất định về vật chất, tinh thần.

2. Trách nhiệm giải trình của tòa án

Từ những luận giải nói trên về trách nhiệm, khi xem xét trách nhiệm giải trình của tòa án cũng cần xem xét ở hai khía cạnh “tích cực” và “tiêu cực”, ở khía cạnh “tích cực” thì việc giải trình là bổn phận, nghĩa vụ của tòa án, ở khía cạnh “tiêu cực” là hậu quả phải gánh chịu khi không thực hiện trách nhiệm giải trình, theo yêu cầu giải trình của chủ thể có quyền yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Thuật ngữ “trách nhiệm giải trình” (tiếng Anh là “accountability”, tiếng Nga là подотчетность) được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Considine, Mark [8] sử dụng thuật ngữ “accountability” để diễn đạt trách nhiệm là nghĩa vụ pháp lý phải tôn trọng những lợi ích hợp pháp của chủ thể khác và sử dụng đúng thẩm quyền trong thực thi công việc. Quan niệm này chưa phản ánh được bản chất của trách nhiệm giải trình, chỉ giải thích được nội dung của “trách nhiệm” ở khía cạnh tích cực - là nghĩa vụ, hay bổn phận phải thực hiện nghĩa vụ. Theo Koppell, Jonathan GS [9] thuật ngữ “accountability” được hiểu là nghĩa vụ giải thích và biện minh cho những hoạt động hay nói cách khác, đó là trách nhiệm giải trình. Theo quan điểm của O’Connell [10] thuật ngữ “accountability” được hiểu là trách nhiệm phải thực hiện các công việc được các yêu cầu của công chúng; “trách nhiệm giải trình” được giải

thích là: nhiệm vụ mà những người có thẩm quyền phải “trả lời” về những hành vi và hành động của mình với tư cách là công chức đang thi hành công vụ; “trách nhiệm giải trình là phạm vi mà trong đó người phải chịu trách nhiệm với cấp cao hơn - về mặt pháp lý hoặc tổ chức - về những hành động của họ trong xã hội nói chung hoặc trong phạm vi một tổ chức nào đó nói riêng” [11].

Các nhà khoa học trong nước cũng có quan niệm khác nhau về trách nhiệm giải trình “trách nhiệm giải trình trong nền hành chính công là một thuộc tính của người được ủy quyền thực thi công vụ phải có nghĩa vụ giải thích và phải chịu trách nhiệm về những việc mình làm trước người ủy quyền và các bên có liên quan” [12]. Với quan niệm này, có thể thấy trách nhiệm giải trình được hiểu dưới hai khía cạnh: thứ nhất, “trách nhiệm giải trình” là nghĩa vụ, bổn phận của người được ủy quyền; thứ hai, trách nhiệm giải trình còn là sự “chịu trách nhiệm” - chịu hậu quả nhất định... hay “ở nghĩa rộng nhất và khái quát nhất, trách nhiệm giải trình là loại hoạt động quyền lực thể hiện mối liên hệ giữa chủ thể quyền lực với khách thể của nó nhằm theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện các nhiệm vụ, chức năng và thẩm quyền, bảo đảm để khách thể phải nằm trong quỹ đạo của các yêu cầu về quyền lực được xác định trong Hiến pháp, pháp luật và các đòi hỏi khác nhau của chủ thể quyền lực như đường lối, chính sách, đạo đức, tư tưởng” [13].

Có thể dẫn ra hàng loạt các định nghĩa khác nhau về trách nhiệm giải trình, việc có nhiều quan niệm khác nhau như vậy, vì mỗi định nghĩa cũng không thể phản ánh đầy đủ mọi biểu hiện, hay các mặt của hiện tượng này trong đời sống nhà nước và xã hội, mà chỉ phản ánh một khía cạnh nào đó của hiện tượng phức tạp này.

Để lí giải về trách nhiệm giải trình cần phải xem xét vấn đề một cách khách quan, đặt nó trong các mối quan hệ xã hội để xem xét. Mỗi cá nhân là một thành viên trong xã hội, hay cộng đồng, có những quyền và nghĩa vụ nhất định và luôn phải trả lời trước cộng đồng, xã hội, người khác có liên quan, về việc thực hiện nghĩa vụ, hành vi, hoạt động của mình, ngược lại, cộng đồng, xã hội có trách nhiệm đối với

các thành viên trong cộng đồng, xã hội của mình, nhà nước có bổn phận, trách nhiệm đối với nhân dân những người đã ủy quyền cho nhà nước thực hiện quyền lực nhà nước. Như vậy, trách nhiệm giải trình được đặt ra trong mối quan hệ giữa cá nhân với cá nhân, tổ chức, hay tổ chức với tổ chức, với cá nhân, mà một bên trong quan hệ đó có bổn phận, nghĩa vụ phải (trả lời) giải trình với bên khác trong quan hệ. Do vậy, không có mối quan hệ qua lại giữa chủ thể và khách thể quản lí, chủ thể ở đây là các cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền, khách thể ở đây cũng là cơ quan, tổ chức, cá nhân có quan hệ trực thuộc về quyền lực hay tổ chức, chức năng thì không có trách nhiệm giải trình, nói cách khác, trách nhiệm giải trình luôn hình thành trong mối quan hệ “quyền lực”, sự lệ thuộc vào quyền lực. Quyền lực ở đây được hiểu theo nghĩa rộng nhất của từ này: quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước, quyền lực kinh tế và các loại quyền lực khác. Đây là cơ sở khoa học cho việc hình thành nhận thức về trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước nói chung, tòa án nói riêng, hay cán bộ, công chức, những người có nhiệm vụ, quyền hạn trước chủ thể có quyền yêu cầu giải trình.

Khi bàn về trách nhiệm giải trình của tòa án (tư pháp) cũng có những quan điểm khác nhau, có người cho rằng “thành lũy bảo vệ các thẩm phán chính là sự độc lập, bản thân sự độc lập đã biểu hiện giá trị của nó, sự độc lập sẽ bị tổn hại bởi cơ chế trách nhiệm giải trình” [14]. Quan niệm như vậy không thực sự hợp lí bởi “nguyên tắc thẩm phán, hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”, không đồng nhất với việc trách nhiệm của thẩm phán, hội thẩm nhân dân trong xét xử, họ cũng như những công chức khác đều phải trả lời trước cơ quan, người có thẩm quyền, xã hội về mọi hành vi, hoạt động của mình và phải gánh chịu những hậu quả bất lợi khi có hành vi vi phạm pháp luật và phải trả lời, giải trình về các thông tin, quyết định, bản án do mình đưa ra, tùy từng trường hợp cụ thể khi có yêu cầu, họ có thể sử dụng giải trình như một “quyền” của mình để giải thích, biện minh về lí do đưa ra quyết định, bản án trước chủ thể có thẩm quyền yêu cầu giải trình.

Bên cạnh đó cũng có quan điểm thừa nhận về “trách nhiệm giải trình” của tòa án và cho rằng “yêu cầu về trách nhiệm giải trình đã được thỏa mãn bởi tất cả các phiên tòa đều diễn ra công khai, truyền thông được tự do đưa tin về những gì đang diễn ra, chấp nhận những phán xét từ nhà học thuật và có thể bị xem xét lại bởi tòa án cấp trên” [15]. Quan niệm này có phần hợp lí, phản ánh được tính chất hoạt động của tòa án là xét xử công khai, vì công khai nên các phương tiện thông tin đại chúng có thể đưa tin về nó, các nhà khoa học, hay xã hội có thể bình luận về phiên tòa. Nhưng điều đó một mặt không thay thế cho trách nhiệm giải trình của tòa án, mặt khác không có nghĩa là khi thực hiện quyền tư pháp mà các quan tòa không có những sai sót vì nhiều nguyên nhân khác nhau, hay bỏ sót những tình tiết quan trọng làm sai lệch kết quả xét xử, thậm chí là vi phạm pháp luật vật chất hay pháp luật tố tụng. Họ cũng giống như mọi công chức khác đều phải trả lời, lí giải, công khai, minh bạch về hành vi, hoạt động của mình trước các chủ thể quyền lực, xã hội, nhân dân trong những trường hợp nhất định, thậm chí người dân có thể đặt câu hỏi về chất lượng đội ngũ thẩm phán, hay tình trạng tồn đọng án, oan, sai thì Chánh án tòa án cũng phải trả lời. Điều này hoàn toàn không ảnh hưởng đến sự độc lập của quyền tư pháp với quyền lực lập pháp và hành pháp, giữa cơ quan tư pháp với cơ quan lập pháp và cơ quan hành pháp.

Nếu nhìn nhận vấn đề “trách nhiệm giải trình” từ khía cạnh quyền lực, tính chịu kiểm soát của quyền lực, thì quyền lực tư pháp cũng chỉ là một bộ phận cấu thành quyền lực nhà nước, do nhân dân ủy quyền, cũng giống như mọi nhánh quyền lực khác đều phải chịu sự kiểm soát của các nhánh quyền lực nhà nước khác. Điều này đã được khẳng định trong Hiến pháp Việt Nam năm 2013 “quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp”. Do vậy, trách nhiệm giải trình của tòa án là phương tiện, hay công cụ để “kiểm soát” việc thực hiện quyền lực tư pháp, để nhà nước, xã hội, nhân dân kiểm soát hoạt động của các quan

tòa và các công chức trong bộ máy tòa án, nhằm đảm bảo niềm tin của nhân dân vào hoạt động xét xử, bảo vệ công lí, sự trung thực, đúng đắn, minh bạch của tòa án. Hơn nữa, tòa án dù được thiết lập ở đâu và theo cơ chế nào, và dù hiểu theo cách nào đi nữa về phân quyền, thì trong mọi thời đại, ở mọi quốc gia trên thế giới đều tồn tại quyền lực tối cao, quyền lực đó thuộc về nhà vua, hoàng đế, hay tên gọi khác, hoặc Quốc hội/Nghị viện, mọi quyền lực hành pháp và tư pháp đều chịu sự ràng buộc về chức năng của quyền lực tối cao, lệ thuộc vào pháp luật do quyền lực tối cao đặt ra, thậm chí quyền lực tối cao bằng luật ấn định cách tổ chức, quy định nhiệm vụ, quyền hạn của tòa án, do đó quyền lực tư pháp chỉ như là thứ quyền lực “phái sinh” từ quyền lực tối cao. Vì vậy, tòa án phải giải trình trước quyền lực tối cao - Vua/ Quốc hội/ Nghị viện, trước nhân dân về hoạt động của mình. Như vậy, giải trình như là nghĩa vụ, bổn phận của tòa án, đồng thời khi không thực hiện đầy đủ trách nhiệm giải trình có thể phải gánh chịu hậu quả bất lợi theo quy định của pháp luật do quyền lực tối cao ban hành. Việc quy định trách nhiệm giải trình của tòa án là cần thiết - yêu cầu của đời sống nhà nước và xã hội, nhưng không xâm phạm đến nguyên tắc “độc lập xét xử và chỉ tuân theo pháp luật” của tòa án.

Từ những vấn đề nêu trên có thể hiểu: trách nhiệm giải trình của tòa án là một loại quan hệ pháp luật đặc thù, trong đó tòa án, công chức của tòa án có nghĩa vụ, bổn phận làm rõ các thông tin, giải thích kịp thời, đầy đủ về các quyết định, bản án, hành vi, hoạt động công vụ của mình khi có yêu cầu giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền và nhân dân theo quy định của pháp luật, đồng thời có thể bị gánh chịu một hậu quả nhất định theo quy định của pháp luật.

3. Cơ sở pháp lí của trách nhiệm giải trình của Tòa án

Hiến pháp Việt Nam năm 2013, tại Điều 2 khẳng định: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân

dân. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức”, khoản 2 Điều 8 quy định “Các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức phải tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền” (Hiến pháp năm 1992, đã được sửa đổi bổ sung năm 2001 cũng có quy định tương tự). Những quy định này là cơ sở hiến định tạo nên các mối quan hệ quyền lực giữa chủ thể tối cao của quyền lực - Nhân dân với nhà nước nói chung được nhân dân ủy quyền thực hiện quyền lực nhà nước, đồng thời, là cơ sở hình thành chế độ trách nhiệm giải trình của nhà nước trước nhân dân. Nhà nước là một khái niệm trừu tượng, đồng thời là một thực thể tồn tại thông qua các cơ quan nhà nước với đội ngũ công chức tạo thành, bộ máy nhà nước ở nước ta hiện nay bao gồm: các cơ quan quyền lực nhà nước, cơ quan hành chính nhà nước, Viện Kiểm sát Nhân dân, Tòa án Nhân dân và các cơ quan - thiết chế độc lập, được hợp thành từ các cán bộ, công chức. Do vậy, tất cả các cơ quan nhà nước đều có bổn phận giải trình (trả lời) trước nhân dân về các chính sách, pháp luật, hành vi, hoạt động do mình thực hiện, còn cán bộ, công chức phải giải trình trước cơ quan nhà nước, người đứng đầu cơ quan nhà nước, cấp trên về hoạt động công vụ của mình. Trong cơ quan nhà nước người đứng đầu là người chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của cơ quan, do đó người đứng đầu là người thay mặt cơ quan có nghĩa vụ, trách nhiệm giải trình về mọi mặt hoạt động của cơ quan khi có yêu cầu giải trình.

Để cụ thể hóa quy định của Hiến pháp về quan hệ trách nhiệm của nhà nước, các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, bảo đảm sự công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, trong nhiều văn bản pháp luật ở Việt Nam những năm gần đây đã sử dụng thuật ngữ giải trình với những nội dung, ý nghĩa khác nhau. Trong Luật xử lý vi phạm hành chính năm

2012, tại Điều 61 quy định, cá nhân, tổ chức vi phạm được “đưa ra ý kiến, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình” hay Luật Thanh tra tại Điều 53 quy định: “Đối tượng thanh tra có quyền: giải trình về những vấn đề có liên quan đến nội dung thanh tra”. Từ những quy định này có thể thấy giải trình được hiểu là sự lý giải, biện minh, là quyền của đối tượng chịu sự tác động của quyền lực - “bên yếu thế” trong mối quan hệ quyền lực. Nhưng trong một số văn bản khác lại quy định giải trình là nghĩa vụ, bổn phận của cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện công vụ khi ban hành quyết định hành chính, hành vi hành chính, ví dụ Điều 13 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định nghĩa vụ của người bị khiếu nại là “giải trình về tính hợp pháp, đúng đắn của quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại khi người giải quyết khiếu nại hoặc cơ quan, đơn vị kiểm tra, xác minh yêu cầu”. Để bảo đảm tính công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, ngày 23/11/2012, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, Kỳ họp thứ 4 đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005, Luật này đã bổ sung Điều 32a quy định: “Khi có yêu cầu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải giải trình về quyết định, hành vi của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao trước cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, lợi ích hợp pháp bị tác động trực tiếp bởi quyết định, hành vi đó” và bổ sung Điều 46b quy định về nghĩa vụ giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm. Kế thừa những quy định nói trên về trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, tại khoản 5, Điều 3 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 đưa ra định nghĩa: “Trách nhiệm giải trình là việc cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền làm rõ thông tin, giải thích kịp thời, đầy đủ về quyết định, hành vi của mình trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao”. Điều 15 của Luật này quy định: 1) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm giải trình về quyết định, hành vi của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân bị tác động trực

tiếp bởi quyết định, hành vi đó. Người thực hiện trách nhiệm giải trình là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc người được phân công, người được ủy quyền hợp pháp để thực hiện trách nhiệm giải trình. 2) Trường hợp báo chí đăng tải thông tin về vi phạm pháp luật và có yêu cầu trả lời các vấn đề liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao thì cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền phải giải trình và công khai nội dung giải trình trên báo chí theo quy định của pháp luật. 3) Việc giải trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền giám sát hoặc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền khác được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Tòa án nhân dân các cấp, cũng như mọi cơ quan khác của nhà nước đều thực hiện hoạt động hành chính nhà nước, chủ yếu là hoạt động hành chính nội bộ, do đó trong hoạt động hành chính nhà nước, Tòa án cũng có trách nhiệm giải trình như mọi cơ quan khác của nhà nước. Vì vậy, những quy định nêu trên cũng được áp dụng đối với Tòa án. Nhưng chức năng của Tòa án là xét xử, việc thực hiện hoạt động hành chính nhà nước có tính nội bộ cũng là để phục vụ cho hoạt động xét xử, do đó cần có sự phân biệt trách nhiệm giải trình của Tòa án trong lĩnh vực hành chính và trong lĩnh vực xét xử. Vì vậy, cần phải có những quy định để cụ thể hóa, chi tiết hóa trách nhiệm giải trình của tòa án để phù hợp với đặc thù trong hoạt động của tòa án, không vi phạm nguyên tắc “xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”.

4. Nội dung, phương thức thực hiện trách nhiệm giải trình của tòa án

Phương thức thực hiện trách nhiệm giải trình của Tòa án trước Nghị viện/ Quốc hội ở nhiều quốc gia trên thế giới được thực hiện chủ yếu thông qua phiên điều trần trước các ủy ban hoặc các phiên chất vấn của nghị sĩ/ đại biểu Quốc hội. Qua đó giúp làm rõ thêm những thông tin về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của thẩm phán, là cơ sở để Nghị viện/ Quốc hội xem xét, đánh giá mức độ thực hiện trách nhiệm của thẩm phán, trong trường hợp có vi

phạm, Nghị viện/ Quốc hội có thể xem xét đưa ra chế tài đối với thẩm phán, đến mức cách chức.

Hiến pháp Việt Nam năm 2013 quy định: Tòa án Nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp... Tòa án Nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lí, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân (khoản 1 và khoản 3 Điều 102). Những quy định này là cơ sở hiến định để xác định nội dung trách nhiệm giải trình của tòa án trong thực hiện chức năng xét xử của tòa án.

Nội dung trách nhiệm giải trình của tòa án trong thực hiện chức năng xét xử, tuy chưa được quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật, nhưng xuất phát từ những quy định nói trên có thể nhận thấy, trách nhiệm giải trình của tòa án chủ yếu tập trung vào các nội dung: tuân thủ các nguyên tắc trong xét xử, bao gồm: tuân thủ pháp luật, công khai, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, công bằng, thực hiện chế độ xét xử hai cấp sơ thẩm, bảo đảm sự vô tư, khách quan, bảo đảm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; tranh tụng và bảo vệ công lí của tòa án, cũng như bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và những yêu cầu khác có liên quan đến hoạt động xét xử của tòa án.

Trách nhiệm giải trình của tòa án ở nước ta, trước hết thuộc về Chánh án tòa án nhân dân các cấp - người đứng đầu cơ quan, những người đứng đầu các tổ chức, đơn vị thuộc tòa án.

Chánh án Tòa án Nhân dân Tối cao - người đứng đầu ngành Tòa án - cơ quan thực hiện quyền tư pháp, do Quốc hội bầu từ số các đại biểu Quốc hội, là nhà chính trị phải chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của ngành tòa án trước Quốc hội, trước cử tri đã bầu ra mình, trách nhiệm ở đây mang tính chính trị - pháp lí, đạo đức. Với vai trò là người đứng đầu ngành tòa án, Chánh án Tòa án Nhân dân Tối cao có trách nhiệm giải trình trước Quốc hội, Ủy ban

Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội về báo cáo của Tòa án Nhân dân Tối cao, hay những vấn đề, vụ án, mà các cơ quan này có yêu cầu giải trình. Mặt khác, cũng có thể phải giải trình về những vấn đề do cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu, khi quyết định, hành vi của tòa án đã trực tiếp tác động đến họ; trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội, trả lời chất vấn thực chất là giải trình về những vấn đề được đưa ra chất vấn, chủ đề chất vấn rất đa dạng, có thể là tình trạng chung của ngành tòa án trong xét xử, hay tình trạng oan sai, tồn đọng án, hoặc một vụ việc cụ thể gây dư luận trong hoạt động của ngành tòa án, hay một vụ việc nào đó xảy ra trong ngành tòa án... nhằm làm rõ trạng thái sự việc diễn ra như thế nào, hay xử lý ra sao. Bên cạnh trách nhiệm giải trình là bổn phận, nghĩa vụ, Chánh án Tòa án Nhân dân Tối cao có thể bị bãi miễn tư cách đại biểu Quốc hội, chịu sự đánh giá của Quốc hội thông qua cơ chế bỏ phiếu tín nhiệm. Các thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao là những chức danh do Quốc hội phê chuẩn, do đó cũng chịu trách nhiệm đánh giá của Quốc hội thông qua cơ chế bỏ phiếu tín nhiệm. Chánh án Tòa án Nhân dân các cấp (tỉnh, huyện) cũng có trách nhiệm giải trình về những vấn đề tương tự như Chánh án Tòa án Nhân dân Tối cao, nhưng ở phạm vi, cấp độ thấp hơn, tương ứng.

Những người đứng đầu các bộ phận cơ cấu của Tòa án, Chánh tòa phải giải trình trước Chánh án Tòa án về mọi hoạt động của bộ phận cơ cấu do mình quản lý. Các thẩm phán là người trực tiếp xét xử các vụ án hình sự, dân sự, kinh tế, lao động, hôn nhân gia đình, hành chính theo quy định của pháp luật cũng đều phải chịu trách nhiệm về tính đúng đắn, hợp pháp, công lý của các quyết định, bản án do mình đưa ra, trách nhiệm ở đây hiểu theo nghĩa tích cực - trách nhiệm chính trị, đạo đức, trách nhiệm trong thực thi công vụ. Ở khía cạnh này, thì thẩm phán cũng phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động xét xử của mình trước nhà nước, xã hội và phải giải trình trước cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền, hay các cơ quan, tổ chức, cá nhân bị tác động trực tiếp bởi quyết định, hành vi do mình thực hiện, hay giải trình trước các thông tin đại chúng về một

vấn đề nào đó liên quan đến quá trình thực thi công vụ của mình.

Trách nhiệm giải trình của Tòa án là vấn đề còn khá mới ở nước ta, để bảo đảm thực hiện trách nhiệm giải trình của Tòa án, trước hết cần phải ban hành những quy định cụ thể của pháp luật về nội dung, hình thức, phương thức, cách thức giải trình sao cho vừa kiểm soát được hoạt động thực hiện quyền tư pháp của Tòa án, đồng thời không ảnh hưởng đến nguyên tắc “độc lập của Tòa án khi xét xử” - nguyên tắc nền tảng của tư pháp trong nhà nước pháp quyền, đồng thời có các biện pháp tương ứng nhằm nâng cao ý thức chính trị, pháp luật, đạo đức của cán bộ, công chức ngành tòa án trong thi hành công vụ.

Lời cảm ơn

Bài viết này được thực hiện trong khuôn khổ Đề tài cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, mã số QG.18.29 “Nghiên cứu trách nhiệm giải trình tư pháp trong bối cảnh tăng cường cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế của Việt Nam” từ năm 2018 đến năm 2020 do PGS.TS. Trịnh Quốc Toàn làm Chủ nhiệm đề tài.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Như Ý (chủ biên), Đại từ điển tiếng Việt, Nxb Văn hóa - Thông tin, 1999, tr.1678.
- [2] Đỗ Minh Hợp, Tự do và trách nhiệm trong đạo đức học hiện sinh, Tạp chí Triết học, số 12/2007, tr. 27-33.
- [3] Phạm Văn Đức (chủ biên), Công bằng xã hội trách nhiệm đối với xã hội và đoàn kết xã hội, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2008, tr.330-331.
- [4] Cao Minh Công, Trách nhiệm công vụ và đạo đức công chức ở nước ta hiện nay, Luận án tiến sĩ triết học, Viện Triết học, Hà Nội, 2012, tr.43.
- [5] A.V. Miske vích, Lí luận Nhà nước và Pháp luật, Nxb, “ Sách pháp lý” (Sách tiếng Nga), Matxcowva, 1974, tr. 623.
- [6] Lê Như Thanh, Cơ sở lí luận và thực tiễn về nghĩa vụ, quyền, trách nhiệm của công chức ở Việt Nam hiện nay, Luận án tiến sĩ Quản lí Hành chính công, Học viện Hành chính, Hà Nội, 2009, tr.43.
- [7] Phạm Hồng Thái và Đinh Văn Mậu, Luật hành chính Việt Nam, Nxb Giao thông vận tải, (2009) 216.

- [8] Considine, Mark, “The End of the Line? Accountable Governance in the Age of Networks, Partnerships, and joined-Up Services”, *Governance*, 2002, 15.
- [9] Koppell, Jonathan GS Pathologies of Accountability: ICANN and the Challenge of “Multiple Accountabilities Disorder”, *Public Administration Review*, 2005, 65.
- [10] O’Connell, “Program Accountability as an Emergent Property: The Role of Stakeholders in a Program’s Field”, *Public Administration Review*, 2005, 65.
- [11] Từ điển về chính quyền và chính trị Hoa Kỳ, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002. tr.6.
- [12] Phạm Duy Nghĩa , Quan niệm về trách nhiệm giải trình trong thực thi công vụ, chuyên đề thuộc Đề tài khoa học trọng điểm cấp bộ “Trách nhiệm giải trình trong thực thi công vụ nhằm phòng ngừa tham nhũng ở Việt Nam”, Thanh tra Chính phủ. 2015.
- [13] Đào Trí Úc, Vấn đề trách nhiệm giải trình trong cơ chế thực hiện quyền lực nhà nước ở Việt Nam chuyên đề thuộc đề tài khoa học trọng điểm cấp bộ “Trách nhiệm giải trình trong thực thi công vụ nhằm phòng ngừa tham nhũng ở Việt Nam”, Thanh tra Chính phủ, 2015.
- [14] F.K.Zenmans: Public access: Ultimate Guardian of Fairness in Our Justice System, *Judicature* 4, 1996, 173 -175.
- [15] Corder, “Seeking Socian Judicial Independence and Responsiveness in Changing South Africa”, *ibrg*, 2001.